

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Vi dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu phải có đủ năng lực thực hiện các nội dung yêu cầu của gói thầu. Các ngành nghề yêu cầu cần Chứng chỉ năng lực hoặc giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực (Tư vấn thiết kế xây dựng đường dây và trạm biến áp, khảo sát xây dựng). Trong trường hợp nhà thầu không đủ năng lực, có thể thuê nhà thầu phụ có đủ năng lực để thực hiện các công việc trên. Nhà thầu phải kê danh sách các nhà thầu phụ trong đó nêu rõ phạm vi công việc và giá trị tương đương với phạm vi công việc do nhà thầu phụ đó đảm nhận trong gói thầu, kèm theo thỏa thuận giữa nhà thầu và nhà thầu phụ về phạm vi công việc mà nhà thầu phụ thực hiện trong gói thầu. Để chứng minh tư cách hợp lệ của mình: Nhà thầu phụ phải

cung cấp Chứng chỉ năng lực hoặc giấy phép hành nghề phù hợp công việc đảm nhận trong gói thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận (

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây: **chi tiết theo Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật (file đính kèm).**

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm...

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại điểm k khoản 6 Điều 16 và khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá ¹

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; K%=70

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; G%=30

+ K + G = 100%;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT)</p> <p>Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Trạm biến áp 220kV Tam Hiệp dự kiến đặt tại thôn Tiên Xuân 2, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Tam Anh, Thành phố Đà Nẵng). Vị trí nằm dọc theo tuyến đường dây 220kV Dốc Sỏi – Tam Kỳ hiện hữu, thuộc khu vực đất trồng lúa được quy hoạch đất cây xanh cách ly. Đoạn tuyến đường dây đầu nối Trạm biến áp 220kV Tam Hiệp xuất phát từ vị trí đầu nối (thuộc tuyến đường dây 220kV Dốc Sỏi – Tam Kỳ hiện hữu) và kết thúc tại cột cổng Trạm biến áp 220kV Tam Hiệp xây dựng mới. Đoạn tuyến đầu nối đi qua xã Tam Anh Nam, Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Tam Anh, Thành phố Đà Nẵng)</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: _____</p> <p><i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i></p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:</p> <p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BBTT, Biên bản hoàn thiện hợp đồng. - E-HSMT của Bên A. - E-HSDT của Bên B. - Quyết định phê duyệt KQLCNT. - Thông báo KQLCNT. - Văn bản tuân thủ hồ sơ mời thầu và thực hiện hợp đồng của Bên B. - Bảng giá hợp đồng.

	- Danh sách nhân sự chủ chốt.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>không áp dụng</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định và Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu
E-ĐKC 10	<p>1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>- Đồng tiền thanh toán: VND.</p> <p>- Thời hạn thanh toán: Số lần thanh toán không quá lần, giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và được chia thành các đợt như sau:</p> <p>a. Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A tự sẽ tạm ứng cho bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế) với điều kiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu. - Có Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng (Theo Điều 41 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023). Trong trường hợp nhà thầu không tạm ứng, việc nộp Bảo hiểm sẽ được thực hiện tại thời điểm thanh/quyết toán khối lượng hoàn thành. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến 30 ngày sau ngày dự kiến thu hồi hết giá trị tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B</p>

không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

b. Thanh toán:

- Giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và thực hiện như sau:

Công tác khảo sát xây dựng phục vụ lập TKKT:

+ Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A nghiệm thu và Bên B lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 95% giá trị được nghiệm thu (tạm thời chưa thanh

toán 5% giá trị chờ quyết toán)

Công tác lập TKKT:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt TKKT, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu đến 95% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKKT” (có thu hồi giá trị tạm ứng) (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán).

Công tác lập TKBVTC:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt TKBVTC, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu tới 80% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKBVTC” (có thu hồi giá trị tạm ứng).

+ Công tác hoàn chỉnh TKBVTC (sau khi có VTTB): Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập TKBVTC” sau 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ TKBVTC phân liên quan đến thiết bị do Nhà thầu hoàn chỉnh (có thu hồi giá trị tạm ứng) (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán).

Công tác lập Hồ sơ mời thầu (HSMT): Sau khi HSMT được lập hoàn chỉnh và được phê duyệt, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hạng mục công việc đã thực hiện (*tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán*).

Công tác khảo sát /các thỏa thuận chuyên ngành: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày các công tác thỏa thuận, báo cáo chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A thanh toán cho Bên B 95% giá trị hợp đồng hạng mục (*tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị chờ quyết toán*).

Công tác Trích đo địa chính thửa đất phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất phục vụ BTGPMB:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên giá trị khối lượng thực hiện, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu tới 80%

tổng giá trị hạng mục “Trích đo địa chính thửa đất phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất phục vụ BTGPMB” (có thu hồi giá trị tạm ứng).

Công tác lập hồ sơ an toàn thông tin: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ an toàn thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị hợp đồng hạng mục (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị chờ quyết toán).

Công tác Đánh giá an toàn thông tin: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu đánh giá an toàn thông tin giữa các bên, Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị hợp đồng hạng mục (tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị chờ quyết toán).

Công tác thỏa thuận, lập mô hình thông tin BIM và các công tác khác: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hợp đồng hạng mục thỏa thuận (tạm thời chưa thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị chờ quyết toán).

Giá trị còn lại (5%): Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án.

*** Hồ sơ thanh toán giai đoạn/Quyết toán**

+ Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện.

+ Bảng xác định giá trị thanh toán.

+ Bản thanh toán đợt...

+ Giấy đề nghị thanh toán.

+ Hóa đơn thuế giá trị gia tăng.

*** Hồ sơ quyết toán**

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư;

+ Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư;

+ Bảng tính chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;

+ Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng cho toàn bộ

	<p>khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng; + Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị hoàn thành đủ điều kiện thanh toán; + Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu; + Biên bản tổng kết hợp đồng (đối với Quyết toán gói thầu)</p> <p>* Hồ sơ thanh toán tiền giữ lại: Giá trị còn lại (nếu có): Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án. Hồ sơ thanh toán gồm: + Đối chiếu công nợ A-B. + Giấy đề nghị thanh toán.</p> <p>2. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được thanh lý sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	<p>Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng</p>
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ [<i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i>].
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Phải có giấy phép hành nghề phù hợp, năng lực kinh nghiệm của thầu phụ phải đảm bảo để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. Nhà thầu tư vấn phải thông báo bằng văn bản

	<p>cho chủ đầu tư về tên các nhà thầu phụ và phạm vi công việc của họ (nếu có). Thông báo này không miễn trừ cho nhà thầu tư vấn các nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% giá trị công việc chậm thực hiện cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. + Tổng số tiền phạt không vượt quá: 1.454.520.000 VNĐ. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; + Nhà thầu thiết kế thiếu, thừa khối lượng mà không có lý do chính đáng thì phải chi trả toàn bộ chi phí cho khối lượng đó cho Chủ đầu tư hoặc bên thứ 3. + Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

	Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: Không áp dụng.
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ liên hệ: 1111D Hồng Hà, phường Hồng Hà, Tp Hà Nội. Điện thoại: 024.668.50505 - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

